

Số: 127/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 12 tháng 4 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung Danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định thi hành Luật Đất đai.

Xét Tờ trình số 1272 /TTr-UBND ngày 09/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; trên cơ sở thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh, bổ sung Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018, cụ thể như sau:

1. Công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trong năm 2019 thuộc Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013: Tổng số có 52 công trình, dự án cần thu hồi đất, với diện tích khoảng 315,15ha; tổng nhu cầu vốn đầu tư khoảng 1.889.424 triệu đồng, trong đó:

a) Có 08 công trình, dự án cần điều chỉnh; trong đó: Huyện Cầu Ngang 01 công trình; huyện Càng Long 02 công trình; huyện Châu Thành 01 công trình; huyện Tiểu Cần 03 công trình và thành phố Trà Vinh 01 công trình; diện tích đất thu hồi khoảng 149,92ha; tổng nhu cầu vốn đầu tư khoảng 1.359.715 triệu đồng.

b) Bổ sung 44 công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trong năm 2019 với diện tích đất cần thu hồi khoảng 165,23ha; tổng nhu cầu vốn đầu tư khoảng 529.709 triệu đồng, trong đó có 12 công trình, dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất, với diện tích khoảng 32,82ha, gồm: 08 công trình, dự án sử dụng đất trồng lúa, diện tích 23,53ha; 04 công trình, dự án sử dụng đất rừng phòng hộ, diện tích 9,29ha.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất đề UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích đất lúa thực hiện 05 công trình, dự án với diện tích 150,97ha.

3. Công trình, dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2019 không thuộc Khoản 3, Điều 62 nhưng thuộc Điểm b; Khoản 1, Điều 58 Luật Đất đai năm 2013: Tổng số có 10 công trình, dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, với diện tích khoảng 6,83ha.

(Đính kèm điều chỉnh, bổ sung Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác bổ sung trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh tổ chức thực hiện; Thường trực, các Ban HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa IX, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 12/4/2019.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Bộ: TN và MT, KH và ĐT;
- TT.TU, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: TN và MT, KH và ĐT, Tài chính, Cục thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Trần Trí Dũng

ĐIỀU CHỈNH DAN SÁCH DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT VÀ NHU CẦU CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG SỬ DỤNG VÀO MỤC ĐÍCH KHÁC TRONG NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH

(Kèm theo Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 12/4/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
A	Các công trình, dự án thuộc Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai, phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác	315,15	194,48	185,19	9,29	1.889.424					
I	Huyện Cầu Ngang	1,01	0,00	0,00	0,00	24.755					
1	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước sạch xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang	0,009	0,00			12.000	Ngân sách tỉnh (Nguồn vốn xổ số kiến thiết)	Xã Vinh Kim	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quyết định 2174/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh	
2	Cải tạo, nâng cấp đường nối Hương lộ 20 - Hương lộ 12, huyện Cầu Ngang	1,00	0,00			12.755	Ngân sách tỉnh	Xã Long Sơn	Sở Giao thông Vận tải	Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của UBND tỉnh	Điều chỉnh diện tích đất cần thu hồi và mức vốn đầu tư so với NQ 109/NQ-HĐND
II	Huyện Càng Long	71,00	56,94	56,94	0,00	109.000,00					
1	Nhà lồng chợ huyện Càng Long (hạng mục: Nhà lồng thịt cá, nhà vệ sinh, hệ thống PCCC)	0,06	0,00			2.000	Ngân sách huyện	Thị trấn Càng Long	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Càng Long		
2	Sân vận động huyện Càng Long	2,21	2,21	2,21		7.000	Ngân sách huyện	Xã An Trường	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Càng Long	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh diện tích đất cần thu hồi và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa; thay đổi địa điểm từ thị trấn Càng Long sang xã An Trường
3	Xây dựng Trung tâm chính trị - hành chính và khu đô thị mới huyện Càng Long	18,73	6,33	6,33			PPP	Thị trấn Càng Long		Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tên, nguồn vốn so với Nghị quyết 109/NQ-HĐND

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu bồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
4	Nhà máy chế biến rau củ quả	30,00	29,00	29,00		60.000	Ngân sách	huyện Càng Long			Trường hợp xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ CMD đất lúa
5	Trung tâm giống	10,00	9,70	9,70		20.000	Ngân sách	xã Bình Phú			
6	Trung tâm hỗ trợ nông dân	10,00	9,70	9,70		20.000	Ngân sách	xã Bình Phú			
III	Huyện Châu Thành	3,35	2,07	2,07	0,00	6.460,00					
1	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước sạch liên xã Thanh Mỹ, Đa Lộc và Mỹ Chánh, huyện Châu Thành	1,00	1,00	1,00		2.000	Ngân sách tỉnh	Xã Mỹ Chánh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quyết định 2169/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh	Đang tiếp xúc giá với hộ dân
2	Nhà làm việc và để tàu, ca nô tìm kiếm cứu hộ cứu nạn tỉnh Trà Vinh	1,35	0,95	0,95		2.160	Ngân sách	Xã Hưng Mỹ	Bộ đội Biên phòng tỉnh	Nghị quyết 109/NQ-HDND ngày 07/12/2018	Điều chỉnh tăng diện tích chuyển mục đích đất trồng lúa so với Nghị quyết 109/NQ-HDND
3	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước sạch xã Song Lộc, huyện Châu Thành	1,00	0,12	0,12		2.300	Ngân sách tỉnh	Xã Song Lộc	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quyết định 2169/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh	Đang tiếp xúc giá với hộ dân
IV	Thị xã Duyên Hải	48,25	7,83	0,00	7,83	274.920					
1	Đường vành đai đô thị (phía Tây sông Long Toàn)	33,77	0,00			202.620	PPP	Phường 1, 2	Doanh nghiệp		
2	Đường khu vực (Khu kinh tế Định An)	3,78	0,00			18.900	Ngân sách	Phường 1	Ban Quản lý KKT		

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
3	Mở rộng Khu hành chính tập trung xã Dân Thành	0,10	0,00			500	Ngân sách	Xã Dân Thành	UBND thị xã		
4	Kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh (đoạn 400 m trên Vàm)	0,60	0,60		0,60	3.000	Ngân sách	Xã Hiệp Thạnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
5	Đường hành lang ven biển xã Trường Long Hòa	9,22	7,08		7,08	46.100	Ngân sách	xã Trường Long Hòa	UBND thị xã		
6	Đường đat từ chợ Phường 2 đến Trường TH Long Hữu A	0,07	0,00			350	Ngân sách	Phường 2	UBND thị xã		
7	Đường nhựa từ ấp 12 ra trường học	0,05	0,00			250	Ngân sách	Phường 2	UBND thị xã		
8	Đường nhựa Diên Tân ra QL 53 mới	0,08	0,00			400	Ngân sách	Phường 2	UBND thị xã		
9	Đường nhựa lộ bà 10 đến giáp P1	0,01	0,00			50	Ngân sách	Phường 2	UBND thị xã		
10	Đường nhựa nối cầu Phước Bình	0,05	0,00			250	Ngân sách	Phường 2	UBND thị xã		
11	Đường nhựa từ nhà Lê Hoàng Giang đến giáp đường Phước An	0,13	0,00			650	Ngân sách	Phường 2	UBND thị xã		
12	Đường từ Trường THCS đến giáp xã Long Hữu	0,19	0,00			950	Ngân sách	Phường 2	UBND thị xã		
13	Nhà máy điện mặt trời Trung Nam Trà Vinh (Hạng mục: Đầu nối từ Nhà máy điện mặt trời Trung Nam Trà Vinh đến sân phân phối 500Kv/220 Kv)	0,20	0,15		0,15	900	DN ứng trước	xã Dân Thành	Công ty	Công văn số 361/UBND-CNXD ngày 30/01/2019	
V	Huyện Tiểu Cần	94,14	78,60	78,60	0,00	1.012.350					
1	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước sạch xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần	0,09	0,00			350	Ngân sách tỉnh	Xã Hiếu Tử	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quyết định 2169/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh	Đang tiếp xúc giá với hộ dân
2	Mở rộng Trường Tiểu học Hiếu Trung B	1,20	1,20	1,20		2.000	Ngân sách huyện	Xã Hiếu Trung	UBND huyện	Nghị quyết 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Điều chỉnh diện tích đất cần thu hồi và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa so với Nghị quyết 109/NQ-HĐND

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
3	Đường Vành đai phía đông thị trấn Tiều Cẩn - xã Hiếu Từ	58,20	49,40	49,40		530.000	PPP	Thị trấn Tiều Cẩn, xã Hiếu Từ		<p>Nghị quyết 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh</p> <p>- Điều chỉnh diện tích đất cần thu hồi và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa so với Nghị quyết 109/NQ-HĐND; - Thuộc trường hợp trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận CMD đất lúa</p>	
4	Đường nối Quốc lộ 54 - Quốc lộ 60	34,65	28,00	28,00		480.000	PPP	Xã Phú Cản		<p>Nghị quyết 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh</p> <p>- Điều chỉnh diện tích đất cần thu hồi và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa so với Nghị quyết 109/NQ-HĐND - Thuộc trường hợp trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận CMD đất lúa</p>	
VI	Huyện Trà Cú	25,92	1,18	1,18	0,00	67020,0					
1	Đê bao chống sạt lở Bắc Rạch Trà Cú, xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú	12,36	0,00			40.000	Ngân sách tỉnh	Các xã: Lưu Nghiệp Anh, Ngãi Xuyên	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Thỏa thuận dân hiến đất; bồi thường cây cối và vật kiến trúc
2	Đường dẫn vào cầu kết nối vào dự án LRAMP (dự án thành phần 8)	3,60	1,03	1,03		7.200	Ngân sách	Các xã: Hàm Giang, Tân Hiệp, Thanh Sơn, Tân Sơn, Ngọc Biển, Ngãi Xuyên			
3	Đường nhựa khóm 1, TT. Trà Cú	0,15	0,15	0,15		200	Ngân sách	Thị trấn Trà Cú			
4	Đường nhựa Khóm 6, thị trấn Trà Cú, từ trường Tiểu học thị trấn A đến đường chánh Quốc lộ 53 dài 300m x 12m	0,09	0,00			180	Ngân sách	Thị trấn Trà Cú			
5	Đường nhựa khóm 1 qua khóm 4	0,32	0,00			640	Ngân sách	Thị trấn Trà Cú			

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất (trồng lúa)	Đất rừng phòng hộ						
6	Kè chống sạt lở bảo vệ khu dân cư ấp chợ thị trấn Định An (Làm mới bờ kè tây)	2,00	0,00			4.000	Ngân sách	Thị trấn Định An			
7	Hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi các lóc TC-BTC tại các xã Định An, Đại An, Hàm Tân, Kim Sơn, An Quảng Hữu, Lưu Nghiệp Anh	4,70	0,00			9.400	Ngân sách	Các xã: Định An, Đại An, Hàm Tân, Kim Sơn, An Quảng Hữu Lưu Nghiệp Anh			
8	Nạo vét, nâng cấp hệ thống kênh trục chính cấp II và đê bao ngăn mặn vùng bị ảnh hưởng hạn mặn nghiêm trọng	2,70	0,00			5.400	Ngân sách	Các xã: An Quảng Hữu, Lưu Nghiệp Anh, Kim Sơn, Hàm Tân, Định An, Đại An, thị trấn Định An			
VII	Thành phố Trà Vinh	37,06	29,61	29,61	0,00	337.329,95					
1	Nâng cấp, mở rộng đường Đồng Khởi nối dài thành phố Trà Vinh	1,92	0,00			48,000	Ngân sách thành phố	Phường 6, 9	UBND thành phố		
2	Hệ thống thoát nước các hẻm trên địa bàn Phường 6, thành phố Trà Vinh	0,01	0,00			300	Ngân sách thành phố	Phường 6	UBND thành phố		
3	Đường giao thông nông thôn ấp Kinh Lớn - Vĩnh Hội	1,16	0,00			5,819	Ngân sách thành phố	Xã Long Đức	UBND thành phố		
4	Xây dựng đường và cầu Long Đại, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh	0,23	0,00			1,132	Ngân sách thành phố	Xã Long Đức	UBND thành phố		
5	Cải tạo, nâng cấp các Tuyến hẻm trên địa bàn thành phố Trà Vinh (giai đoạn 2)	0,20	0,00			3.000	Ngân sách thành phố	TPTV	UBND thành phố		
6	Nâng cấp hẻm Khóm 10, Phường 7, thành phố Trà Vinh	0,01	0,00			100	Ngân sách thành phố	Phường 7	UBND thành phố		
7	Nâng cấp hẻm 288, Phường 1, thành phố Trà Vinh	0,28	0,00			4.200	Ngân sách thành phố	Phường 1	UBND thành phố		
8	Nâng cấp hẻm Khóm 10, Phường 9, thành phố Trà Vinh	0,16	0,00			800	Ngân sách thành phố	Phường 9	UBND thành phố		
9	Nâng cấp đường vào khu sản xuất Hợp tác xã Long Trị, thành phố Trà Vinh	0,18	0,00			900	Ngân sách thành phố	Xã Long Đức	UBND thành phố		
10	Công viên Phường 2, thành phố Trà Vinh (giai đoạn 2)	0,05	0,00			1.800	Ngân sách thành phố	Phường 2	UBND thành phố		

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (trillion đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
11	Đường giao thông nông thôn ấp Huệ Sanh (lộ C/Da, giai đoạn 1)	0,08	0,00			375	Ngân sách thành phố	Xã Long Đức	UBND thành phố		
12	Xây dựng Nhà làm việc đơn vị trực thuộc Công ty Điện lực	0,20	0,20	0,20			Công ty	Xã Long Đức			
13	Cụm công nghiệp Sa Bình, thành phố Trà Vinh	32,58	29,41	29,41		325.800	Ngân sách tỉnh	Xã Long Đức	UBND thành phố	- Điều chỉnh tên dự án, diện tích đất cần thu hồi và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa so với Nghị quyết 25/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh - Thuộc trường hợp trình Thủ tướng Chính phủ CME đất trồng lúa	
VIII: Công trình Liên huyện		34,42	18,25	16,79	1,46	57.589,00					
1	Nâng cấp hệ thống đê biển Trà Vinh (giai đoạn 2)	17,63	1,46		1,46	24.692	Ngân sách tỉnh	Huyện Duyên Hải và thị xã Duyên Hải	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	
2	Nạo vét hệ thống kênh trục và xây dựng công trình điều tiết trên kinh, tỉnh Trà Vinh phục vụ sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu (thu hồi để xây dựng 06 Công thuộc công trình)	1,63	1,63	1,63		4.897	Ngân sách tỉnh	Huyện Trà Cú và huyện Cầu Kè	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công văn số 67/HĐND-VP ngày 20/3/2018 của HĐND tỉnh	
3	Nâng cấp hệ thống đê bao chống triều cường khu vực các huyện Châu Thành, Tiểu Cần và thành phố Trà Vinh	15,16	15,16	15,16		28.000	Ngân sách tỉnh	Các huyện: Châu Thành, Tiểu Cần và thành phố Trà Vinh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Thuộc trường hợp trình Thủ tướng Chính phủ CME đất trồng lúa
B	Các công trình, dự án không thuộc Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai, phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác	0,00	6,83	6,83	0,00	30.300,00					
I	Huyện Cầu Long	0,00	0,52	0,52	0,00	0,00					
1	Nhà máy sản xuất gạch nung TuyneI		0,47	0,47			Công ty	xã Đại Phước			
2	Cửa hàng xăng dầu Hữu Trí		0,05	0,05			Công ty	Xã Phương Thạnh			
II	Thành phố Trà Vinh	0,00	0,13	0,13	0,00	0,00					
2	Cây xăng Bạch Tuyết		0,06	0,06			DNTN	Phường 6			
3	Cây xăng Nguyễn Tuyển		0,07	0,07			DNTN	Xã Long Đức			

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
III	Huyện Châu Thành	0,00	2,98	2,98	0,00	0,00					
1	Xưởng may mặc xuất khẩu		2,07	2,07			Vốn Doanh nghiệp	xã Phước Hảo	Công ty Cổ phần may Hoàn Mỹ		
2	Trại heo Duyên Phương		0,91	0,91			Vốn Doanh nghiệp	Xã Hưng Mỹ	Công ty TNHH MTV và Chân muối Duyên Phương		
IV	Huyện Trà Cú	0,00	2,32	2,32	0,00	11.800,00					
1	Dự án XD kho trung chuyển xăng dầu, nhà máy phối trộn xăng dầu sinh học, trạm chiết nạp gas (cty cổ phần thương mại dầu tư dầu khí Nam sông Hậu)		1,52	1,52		9.800	Doanh nghiệp	xã Kim Sơn			
2	Đất kho bãi của cty Nguyễn Võ (áp xa xi)		0,80	0,80		2.000	Doanh nghiệp	Xã Ngãi Xuyên			
V	Huyện Cầu Kè	0,00	0,88	0,88	0,00	18.500					
	Đầu tư xây dựng xưởng may Hòa Phú		0,88	0,88		18.500	Công ty	Xã Thạnh Phú			